

Số: 43/2025/QĐST-DS

Bình Chánh, ngày 15 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 07 tháng 01 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 716/2024/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Văn C, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Tổ 78, khu phố 7, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Thu T; địa chỉ: 243A đường V, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; là đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 19/6/2024 tại Văn phòng công chứng T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Bị đơn: Ông Trần Hữu T, sinh năm 1985; bà Trương Thị G, sinh năm 1988;

Cùng địa chỉ: khối C1, chung cư V, ấp 1, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Nội dung các đương sự thỏa thuận được:

Ông Trần Hữu T, bà Trương Thị G có nghĩa vụ trả cho ông Lê Văn C tổng số tiền tạm tính đến ngày 07/01/2025 là 218.675.000 đồng (Hai trăm mười tám triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), trong đó: Nợ gốc: 200.000.000 đồng; Nợ lãi: 18.675.000 đồng theo phương thức trả nợ như sau:

Ngày 07/02/2025 ông T, bà G trả cho ông C số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Ngày 07/7/2025 ông T, bà G trả cho ông C hết số tiền nợ còn lại là 198.675.000 đồng (Một trăm chín mươi tám triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Các đương sự thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm mỗi bên chịu nộp $\frac{1}{2}$. Ông Trần Hữu T, bà Trương Thị G phải chịu nộp án phí dân sự sơ thẩm là 2.733.437 đồng (Hai triệu bảy trăm ba mươi ba nghìn bốn trăm ba mươi bảy đồng).

Ông Lê Văn C phải chịu nộp án phí dân sự sơ thẩm là 2.733.437 đồng (Hai triệu bảy trăm ba mươi ba nghìn bốn trăm ba mươi bảy đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là nộp là 5.036.850 đồng (Năm triệu không trăm ba mươi sáu nghìn tám trăm năm mươi đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/23P, số 0005997 ngày 10/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoàn lại cho ông C số tiền tạm ứng án phí là 2.303.413 đồng (Hai triệu ba trăm lẻ ba nghìn bốn trăm mười ba đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án (12).



THẨM PHÁN

Phạm Thị Tuyết

